

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 – ĐỀ 5**Môn: Toán – Lớp 4****Bộ sách: Cánh diều**

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

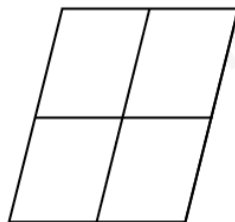
Câu 1. $\frac{7}{10}$ của hình chữ nhật đã được tô màu có nghĩa là:

- A. Chia hình chữ nhật thành 10 phần, tô màu 7 phần
 B. Chia hình chữ nhật thành 10 phần bằng nhau, tô màu 7 phần
 C. Chia hình chữ nhật thành 7 phần, tô màu 10 phần
 D. Chia hình chữ nhật thành 7 phần bằng nhau, tô màu 10 phần

Câu 2. Hồng nói hai phân số $\frac{48}{92}$ và $\frac{36}{69}$ bằng nhau, nhưng Lan lại nói chúng không bằng nhau. Em

hãy cho biết bạn nào nói đúng?

- A. Hồng nói đúng B. Lan nói đúng C. Cả hai bạn nói đúng D. Không bạn nào nói đúng.

Câu 3. Có bao nhiêu hình bình hành trong hình dưới đây:

- A. 4 hình B. 5 hình C. 9 hình D. 10 hình

Câu 4. Điền số còn thiếu vào chỗ chấm: $\frac{3}{7} + .?. = \frac{9}{8}$

- A. $\frac{24}{56}$ B. $\frac{63}{56}$ C. $\frac{39}{56}$ D. $\frac{87}{56}$

Câu 5. Lớp 4A có 16 học sinh nam và số học sinh nữ bằng $\frac{9}{8}$ số học sinh nam. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh nữ ?

- A. 16 học sinh B. 18 học sinh C. 20 học sinh D. 22 học sinh

Câu 6. Một hộp bóng có $\frac{1}{2}$ số bóng màu đỏ, $\frac{1}{3}$ số bóng màu xanh, còn lại là bóng màu vàng. Tìm phân số chỉ số bóng màu vàng.

A. $\frac{5}{6}$

B. $\frac{1}{6}$

C. $\frac{2}{5}$

D. $\frac{3}{5}$

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Tính

a) $4 + \frac{7}{13} : \frac{1}{2} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{13}{12} \times \frac{4}{5} - \frac{1}{5} = \dots\dots\dots$

Câu 2. Tìm giá trị của ? biết rằng:

a) $? - \frac{5}{14} = \frac{3}{7}$

b) $\frac{2}{11} \times ? = \frac{4}{5}$

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $\frac{2}{5}$ tạ = kg

b) 710 030 dm² = dm² mm²

c) $\frac{4}{5}$ cm² = mm²

d) $\frac{5}{6}$ phút = giây

Câu 4. Cô giáo mua 40 quyển vở cho 3 tổ của lớp. Tổ 1 được $\frac{1}{4}$ số vở, tổ 2 nhận được $\frac{2}{5}$ số vở còn lại. Hỏi tổ 3 nhận được bao nhiêu quyển vở ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5. Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài là $\frac{1}{5}$ m, chiều rộng là $\frac{1}{6}$ m. Chia tấm bìa đó ra làm 3 phần bằng nhau. Tính diện tích của mỗi phần.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 6. Tính bằng cách thuận tiện.

a) 125 x 17 x 5 x 16

b) $\frac{5}{9} \times \frac{8}{17} + \frac{4}{9} \times \frac{8}{17}$

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. $\frac{7}{10}$ của hình chữ nhật đã được tô màu có nghĩa là:

- A. Chia hình chữ nhật thành 10 phần, tô màu 7 phần
- B. Chia hình chữ nhật thành 10 phần bằng nhau, tô màu 7 phần
- C. Chia hình chữ nhật thành 7 phần, tô màu 10 phần
- D. Chia hình chữ nhật thành 7 phần bằng nhau, tô màu 10 phần

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức đã học về phân số

Lời giải:

$\frac{7}{10}$ của hình chữ nhật đã được tô màu có nghĩa là: Chia hình chữ nhật thành 10 phần bằng nhau, tô màu 7 phần

Đáp án: B

Câu 2. Hồng nói hai phân số $\frac{48}{92}$ và $\frac{36}{69}$ bằng nhau, nhưng Lan lại nói chúng không bằng nhau. Em hãy cho biết bạn nào nói đúng?

- A. Hồng nói đúng
- B. Lan nói đúng
- C. Cả hai bạn nói đúng
- D. Không bạn nào nói đúng.

Phương pháp

So sánh hai phân số

Lời giải

Ta có:

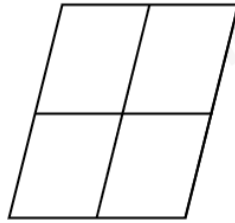
$$\frac{48}{92} = \frac{48:4}{92:4} = \frac{12}{23}$$

$$\frac{36}{69} = \frac{36:3}{69:3} = \frac{12}{23}$$

Vậy $\frac{48}{92} = \frac{36}{69}$. Bạn Hồng đã nói đúng.

Đáp án: A

Câu 3. Có bao nhiêu hình bình hành trong hình dưới đây:



- A. 4 hình B. 5 hình C. 9 hình D. 10 hình

Phương pháp:

Hình bình hành có 2 cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.

Lời giải:

- Số hình bình hành tạo từ 1 hình bình hành: 4
- Số hình bình hành tạo từ 2 hình bình hành nhỏ: 4
- Số hình bình hành tạo từ 4 hình bình hành nhỏ: 1

Vậy hình bên có 9 hình bình hành

Đáp án: C

Câu 4. Điền số còn thiếu vào chỗ chấm: $\frac{3}{7} + .?. = \frac{9}{8}$

- A. $\frac{24}{56}$ B. $\frac{63}{56}$ C. $\frac{39}{56}$ D. $\frac{87}{56}$

Phương pháp:

Số hạng = Tổng – Số hạng

Lời giải:

$$\frac{3}{7} + .?. = \frac{9}{8}$$

$$?. = \frac{9}{8} - \frac{3}{7} = \frac{39}{56}$$

Đáp án: C

Câu 5. Lớp 4A có 16 học sinh nam và số học sinh nữ bằng $\frac{9}{8}$ số học sinh nam. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh nữ ?

- A. 16 học sinh B. 18 học sinh C. 20 học sinh D. 22 học sinh

Phương pháp

Số học sinh nữ của lớp 4A = Số học sinh nam x $\frac{9}{8}$

Lời giải

Số học sinh nữ của lớp 4A là: $16 \times \frac{9}{8} = 18$ học sinh

Đáp án: A

Câu 6. Một hộp bóng có $\frac{1}{2}$ số bóng màu đỏ, $\frac{1}{3}$ số bóng màu xanh, còn lại là bóng màu vàng. Tìm phân số chỉ số bóng màu vàng.

A. $\frac{5}{6}$

B. $\frac{1}{6}$

C. $\frac{2}{5}$

D. $\frac{3}{5}$

Phương pháp:

Phân số chỉ số bóng màu đỏ và màu xanh = Phân số chỉ số bóng màu đỏ + Phân số chỉ số bóng màu xanh.

Phân số chỉ số bóng màu vàng = Phân số chỉ tổng số bóng có trong hộp - Phân số chỉ số bóng màu đỏ và màu xanh

Lời giải

Phân số chỉ số bóng màu đỏ và màu xanh là:

$$\frac{1}{2} + \frac{1}{3} = \frac{5}{6}$$

Số bóng màu đỏ và màu xanh chiếm $\frac{5}{6}$ phần hộp bóng có nghĩa là: hộp bóng được chia ra làm 6 phần bằng nhau. Số bóng đỏ và xanh chiếm 5 phần. Còn lại là số bóng màu vàng. Ta có thể tính phân số chỉ số bóng màu vàng như sau:

$$\frac{6}{6} - \frac{5}{6} = \frac{1}{6} \text{ (phần) hoặc lấy } 1 - \frac{5}{6} = \frac{1}{6}$$

Đáp án: B**II. TỰ LUẬN****Câu 1.** Tính

a) $4 + \frac{7}{13} : \frac{1}{2} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{13}{12} \times \frac{4}{5} - \frac{1}{5} = \dots\dots\dots$

Phương pháp:

- Muốn cộng hoặc trừ hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số đó, rồi cộng hoặc trừ hai phân số sau khi quy đồng.

- Muốn nhân hai phân số, ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.

- Muốn chia hai phân số, ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số đảo ngược của phân số thứ hai.

Lời giải

a) $4 + \frac{7}{13} : 2$

$$= \frac{4}{1} + \frac{7}{26}$$

$$= \frac{111}{26}$$

$$\text{b) } \frac{13}{12} \times \frac{4}{5} - \frac{1}{5}$$

$$= \frac{13}{15} - \frac{1}{5}$$

$$= \frac{12}{15} = \frac{3}{5}$$

Câu 2. Tìm giá trị của ? biết rằng:

$$\text{a) } ? - \frac{5}{14} = \frac{3}{7}$$

$$\text{b) } \frac{2}{11} \times ? = \frac{4}{5}$$

Phương pháp:

Dựa vào cách tìm thành phần chưa biết của phép tính

Lời giải

$$\text{a) } ? - \frac{5}{14} = \frac{3}{7}$$

$$? = \frac{3}{7} + \frac{5}{14}$$

$$? = \frac{11}{14}$$

$$\text{b) } \frac{2}{11} \times ? = \frac{4}{5}$$

$$? = \frac{4}{5} : \frac{2}{11}$$

$$? = \frac{4}{5} \times \frac{11}{2} = \frac{22}{5}$$

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

$$\text{a) } \frac{2}{5} \text{ tạ} = \dots\dots \text{ kg}$$

$$\text{b) } 710\,030 \text{ dm}^2 = \dots\dots \text{ dm}^2 \dots \text{ mm}^2$$

$$\text{c) } \frac{4}{5} \text{ cm}^2 = \dots\dots \text{ mm}^2$$

$$\text{d) } \frac{5}{6} \text{ phút} = \dots\dots \text{ giây}$$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: 1 tạ = 100 kg

1 phút = 60 giây

1 dm² = 10 000 mm²

1 cm² = 100 mm²

Lời giải

a) $\frac{2}{5}$ tạ = 40 kg

b) $710\ 030\ \text{dm}^2 = 71\ \text{dm}^2\ 30\ \text{mm}^2$

c) $\frac{4}{5}\ \text{cm}^2 = 80\ \text{mm}^2$

d) $\frac{5}{6}$ phút = 50 giây

Câu 4. Cô giáo mua 40 quyển vở cho 3 tổ của lớp. Tổ 1 được $\frac{1}{4}$ số vở, tổ 2 nhận được $\frac{2}{5}$ số vở còn lại. Hỏi tổ 3 nhận được bao nhiêu quyển vở ?

Phương pháp

Tính số quyển vở tổ 1 nhận được

Tính số quyển vở tổ 2 nhận được

Tính số quyển vở tổ 3 nhận được

Lời giải

Tổ 1 nhận được số quyển vở là:

$$40 \times \frac{1}{4} = 10 \text{ (quyển)}$$

Tổ 2 nhận được số quyển 1 vở là:

$$(40 - 10) \times \frac{2}{5} = 12 \text{ (quyển)}$$

Tổ 3 nhận được số quyển vở là:

$$40 - 10 - 12 = 18 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 18 quyển vở

Câu 5. Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài là $\frac{1}{5}$ m, chiều rộng là $\frac{1}{6}$ m. Chia tấm bìa đó ra làm 3 phần bằng nhau. Tính diện tích của mỗi phần.

Phương pháp:

Diện tích của tấm bìa hình chữ nhật = Chiều dài x Chiều rộng

Diện tích của mỗi phần là: Diện tích tấm bìa : 3

Lời giải:

Diện tích của tấm bìa là:

$$\frac{1}{5} \times \frac{1}{6} = \frac{1}{30} \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích của mỗi phần là:

$$\frac{1}{30} : 3 = \frac{1}{90} \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: $\frac{1}{90} \text{ m}^2$

Câu 6. Tính bằng cách thuận tiện.

a) $125 \times 17 \times 5 \times 16$

b) $\frac{5}{9} \times \frac{8}{17} + \frac{4}{9} \times \frac{8}{17}$

Phương pháp

- Áp dụng cộng thức: $a \times b + a \times c = a \times (b + c)$

- Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân

Lời giải

a) $125 \times 17 \times 5 \times 16$

$$= 125 \times 17 \times 5 \times (8 \times 2)$$

$$= (125 \times 8) \times (5 \times 2) \times 17$$

$$= 1\,000 \times 10 \times 17$$

$$= 170\,000$$

b) $\frac{5}{9} \times \frac{8}{17} + \frac{4}{9} \times \frac{8}{17}$

$$= \frac{8}{17} \times \left(\frac{5}{9} + \frac{4}{9} \right)$$

$$= \frac{8}{17} \times 1$$

$$= \frac{8}{17}$$